

Đơn vị: Cục Hàng không Việt Nam

Chương: 019

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**
(Kèm theo Quyết định số: 75/QĐ-CHK ngày 14/01/2026 của Cục HKVN)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục HKVN	Tổng công ty QLBVN	Cảng vụ HKMB	Cảng vụ HKMT	Cảng vụ HKMN
1	2	3	4=5+6+...	5	6	7	8	9
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
I	Số thu phí, lệ phí	2.544.773	2.544.773	25.115	2.194.753	97.120	103.298	124.487
1	Lệ phí	57.970	57.970	15		19.000	21.938	17.017
2	Phí	2.486.803	2.486.803	25.100	2.194.753	78.120	81.360	107.470
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	2.544.773	2.544.773	25.115	2.194.753	97.120	103.298	124.487
1	Lệ phí	57.970	57.970	15	-	19.000	21.938	17.017
2	Phí	2.486.803	2.486.803	25.100	2.194.753	78.120	81.360	107.470
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	291.052	291.052	101.458	-	65.838	42.990	80.766
I	Nguồn ngân sách trong nước	291.052	291.052	101.458	-	65.838	42.990	80.766
1	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	273.176	273.176	83.582	-	65.838	42.990	80.766
1.1	Chi quản lý hành chính	271.988	271.988	82.394	-	65.838	42.990	80.766
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	41.499	41.499	41.499				
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	230.489	230.489	40.895		65.838	42.990	80.766
1.2	Chi hoạt động khác	1.188	1.188	1.188				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục HKVN	Tổng công ty QLBVN	Cảng vụ HKMB	Cảng vụ HKMT	Cảng vụ HKMN
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.188	1.188	1.188				
2	Chi hoạt động kinh tế	17.455	17.455	17.455				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.455	17.455	17.455				
a.	Chi hoạt động kinh tế hàng không	12.869	12.869	12.869				
b	Chi sự nghiệp kinh tế khác	4.586	4.586	4.586				
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	280	280	280				
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	280	280	280				
+	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	280	280	280				
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	141	141	141				
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	141	141	141				

Ghi chú: Công bố công khai trên cơ sở các Quyết định số: 25/QĐ-CHK ngày 07/01/2026 và 40/QĐ-CHK ngày 12/01/2026 của Cục trưởng Cục HKVN; 51/QĐ-QLB ngày 07/01/2026 của Tổng giám đốc TCT QLBVN; 02/QĐ-CVMB ngày 06/01/2026 của Giám đốc CVMB; 26/QĐ-CVMN ngày 14/01/2026 của Giám đốc CVMN; 06/QĐ-CVMT ngày 13/01/2026 của Giám đốc CVMT.